

Đợt III : Tháng 3 - Năm 2025

St t	Lớp	Tôn g số trẻ cân, đo	Cân									Đo								Đánh giá tình trạng dinh dưỡng (BD3, BD5)											
			%	BT	%	Ca o hơ n	%	SDD thể nhẹ cân (BD1)				BT	%	Ca o hơ n	%	SDD thể thấp còi (BD2, BD4)				BT	%	SDD gầy còm				Th ừa câ n	%	Béo phì	%		
								vừ a	%	nặ ng	%					vừa	%	nặ ng	%			vừ a	%	nặ ng	%						
1	5A1	26	100	26	100	0					26	100							26	100											
2	5A2	25	100	25	100	0	0	0	0	0	0	25	100	0	0	0	0	0	0	25	100										
3	5A3	27	100	27	100	0					27	100							27	100											
4	5A4	26	100	26	100	0					26	100							26	100											
5	5A5	26	100	26	100	0					26	100							26	100											
6	4B1	34	100	34	100	0					34	100							34	100											
7	4B2	35	100	35	100	0					35	100							35	100											
8	4B3	36	100	36	100%	0	0%	0	0%	0	%	36	100%	0	0%	0	0%	0	0%	36	100	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%		
9	4B4	33	100	33	100	0					33	100							33	100											
10	3C1	18	100	18	100	0					17	94.4			1	5.6			18	100											
11	3C2	16	100	16	100	0					16	100							16	100											
12	3C3	18	100	18	100	0					18	100							18	100											
13	3C4	19	100	19	100	0		0	0	0	0	19	100	0	0	0	0	0	0	19	100	0	0	0	0	0	0	0	0		
14	3C5	17	100	16	94	1	6	0	0	0	0	17	100	0	0	0	0	0	0	16	94	0	0	0	0	1	6	0	0		
15	NT1	21	100	21	100	0	0	0	0	0	0	21	100	0	0	0	0	0	0	21	100	0	0	0	0	0	0	0	0		
16	NT2	25	100	25	100	0	0	0	0	0	0	25	100	0	0	0	0	0	0	24	96	0	0	0	0	1	4	0	0		
17	NT3	13	100	13	100	0	0	0	0	0	0	13	100	0	0	0	0	0	0	13	100	0	0	0	0	0	0	0	0		
TỔNG		415	100	414	99,7	1	0,03	0	0	0	0	414	99,7			1	0,03			413	99,5					2	0,05				

Quang Trung, ngày 18.tháng 3 năm 2025
Người tổng hợp

Hiệu trưởng

Lê Thị Hương

Nguyễn Thị Phương

* Lưu ý: BĐ 3: dành cho trẻ từ 0-60 tháng; BĐ 5: dành cho trẻ từ 61-78 tháng